DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỀ NGHỊ NHÀ TRƯỜNG XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

KHOA ……KH và KT ĐỊA CHẤT HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2016 - 2017

(Kèm theo công văn số /MĐC-CTSV ngày /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Mỏ - Địa chất)

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số TC đăng ký trong HK	Điểm TBC MR	Điểm RL	Loại HB		Số tiền/ 1TC	Thành tiền (đ)	Số tài khoản
								L1	L2			
1	1221020251	Mai Văn	Cường	DCDCCT57	7	9,40	81	1		322.400	2.256.800	21110000585319
2	1221020543	Nguyễn Thị	Vân	DCDCCT57	7	9,20	88	1		322.400	2.256.800	21110000584680
3	1221020111	Chu Văn	Phố	DCDCCT57	7	9,10	81	1		322.400	2.256.800	21110000584404
4	1221020330	Nguyễn Công	Hoan	DCDCCT57	7	9,10	85	1		322.400	2.256.800	21110000574566
5												
6	1221080061	Lê Thị	Quỳnh	DCDCDC57	7	9,90	82	1		322.400	2.256.800	
7	1221020405	Nguyễn Bích	Ngọc	DCDCDC57	7	9,90	82	1		322.400	2.256.800	971000014312
8	1221020230	Mai Thị Lan	Anh	DCDCDC57	7	9,80	90	1		322.400	2.256.800	
10												
11	1221020120	Bùi Thị	Quyên	DCDCNK57	7	9,80	91	1		322.400	2.256.800	21110000584714
12	1221020038	Nguyễn Văn	Đạt	DCDCNK57	7	9,70	91	1		322.400	2.256.800	21110000613733
13											-	
14	1221020226	Cao Việt	Anh	DCDCTV57	7	9,80	85	1		322.400	2.256.800	21110000592577
15	1221020464	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DCDCTV57	7	9,50	83	1		322.400	2.256.800	
16	1221020282	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	DCDCTV57	7	9,30	85	1		322.400	2.256.800	
20											-	
21	1321020760	Nguyễn Thị	Trang	DCDCCT58A	16	4,00	91	1		322.400	5.158.400	
	1321020250	Nguyễn Văn	Tưởng	DCDCCT58B	13	3,95	90	1		322.400	4.191.200	
22	1321020691	Nguyễn Văn	Quyết	DCDCCT58A	20	3,78	93	1		322.400	6.448.000	21110000731079
23	1321020161	Lê Thị	Oanh	DCDCCT58B	16	3,78	88	1		322.400	5.158.400	21110000710032
24	1321020808	Nguyễn Anh	Vinh	DCDCCT58A	16	3,53	81	1		322.400	5.158.400	21110000745511

27	1321020571	Trần Thị	Huyền	DCDCDC58A	14	4,00	90	1		322.400	4.513.600	
28	1321020532	Phạm Thị	Hậu	DCDCDC58A	14	3,93	81	1		322.400	4.513.600	
29	1321020041	Nguyễn Thị Kim	Dung	DCDCDC58A	14	3,86	90	1		322.400	4.513.600	
30	1321020188	Nguyễn Thị	Tâm	DCDCDC58A	14	3,86	87	1		322.400	4.513.600	
	1321020783	Lê Văn	Tuấn	DCDCDC58B	14	3,86	80	1		322.400	4.513.600	
33												
36	1321020005	Lê Đức	Anh	DCDCNK58	18	3,91	96	1		322.400	5.803.200	
37	1321020712	Nguyễn Văn	Thanh	DCDCNK58	20	3,85	85	1		322.400	6.448.000	21110000745247
38											-	
	1321020238	Vũ Ngọc	Tú	DCDCTV58A	14	3,86	90	1		322.400	4.513.600	21110000712126
39	1321020213	Bùi Thị	Thủy	DCDCTV58B	14	3,86	80	1		322.400	4.513.600	21110000711512
40	1321020089	Lê Thị	Hạnh	DCDCTV58A	12	3,75	84	1		322.400	3.868.800	
41	1321020128	Nguyễn Văn	Khánh	DCDCTV58B	15	3,73	80	1		322.400	4.836.000	21110000709809
42	1321020014	Trương Viết Năm	Anh	DCDCTV58B	16	3,66	93	1		322.400	5.158.400	21110000711752
44											-	
45	1421020026	Phạm Thế	Công	DCDCCT59A	18	3,89	90	1		322.400	5.803.200	21110000789777
46	1421020344	Vương Thị	Hằng	DCDCCT59B	19	3,55	82	1		322.400	6.125.600	21110000822797
47	1421020076	Phạm Đình	Huy	DCDCCT59A	16	3,38	90	1		322.400	5.158.400	21110000790168
48	1421020349	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCDCCT59B	17	3,32	82	1		322.400	5.480.800	21110000822876
49	1421020570	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DCDCCT59A	18	3,28	86	1		322.400	5.803.200	21110000817492
51											-	
52	1421020059	Lê Thị	Hiệp	DCDCDC59B	20	3,93	80	1		322.400	6.448.000	21110000789999
53	1421020530	Lại Thị Ngọc	Quỳnh	DCDCDC59B	20	3,93	84	1		322.400	6.448.000	21110000817304
54	1421020011	Phạm Thị Vân	Anh	DCDCDC59B	18	3,92	84	1		322.400	5.803.200	21110000789652
55	1421020378	Lâm Thị	Huệ	DCDCDC59A	21	3,71	90	1		322.400	6.770.400	21110000815663
56	1421020607	Nguyễn Thị	Thương	DCDCDC59A	20	3,68	85	1		322.400	6.448.000	
57											-	

58	1421020115	Nguyễn Thị	Nga	DCDCNK59	17	3,88	84	1		322.400	5.480.800	21110000790399
59	1421020119	Nguyễn Thị	Oanh	DCDCNK59	17	3,88	84	1		322.400	5.480.800	21110000790469
60											-	
61	1421020277	Lê Thọ	Dương	DCDCTV59B	20	3,75	97	1		322.400	6.448.000	21110000820223
62	1421020443	Vũ Thị	Loan	DCDCTV59B	22	3,70	80	1		322.400	7.092.800	
63	1421020623	Trần Thị Huyền	Trang	DCDCTV59B	15	3,68	80	1		322.400	4.836.000	21110000819984
65											-	
66	1521020209	Nguyễn Hữu	Hòa	DCDCCT60	14	3,43	81	1		322.400	4.513.600	21110000917684
67	1521020047	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCDCCT60	16	3,09	79		2	248.000	3.968.000	
68	1521020035	Nguyễn Mai	Hương	DCDCCT60	16	2,94	79		2	248.000	3.968.000	21110000895230
69	1521020161	Nguyễn Việt	Đức	DCDCCT60	17	2,88	79		2	248.000	4.216.000	21710000093249
70											-	
71	1521020017	Nguyễn Ngọc	Thảo	DCDCDC60	15	3,20	80	1		322.400	4.836.000	21110000892000
72	1521020042	Nguyễn Thị Kim	Huệ	DCDCDC60	15	2,77	71		2	248.000	3.720.000	21110000898141
73	1521020089	Đỗ Quang	Mạnh	DCDCTV60	16	3,25	83	1		322.400	5.158.400	21110000897430
76	1531020003	Bùi Thị	Ánh	LCDCDC60	7	9,80	90	1		322.400	2.256.800	21110000917514
79	1531020047	Hoàng Thị	Tuyết	LCDCDC60	7	9,80	94	1		322.400	2.256.800	
80	1531020406	Nguyễn Thị Thu	Hằng	LCDCDC60	19	3,45	81	1		322.400	6.125.600	21510001198055
83	1631020074	Nguyễn Đức	Thái	LCDCDC61	19	3,63	85	1		322.400	6.125.600	21510002135268
82	1631020066	Nguyễn Thị Vân	Anh	LCDCDC61	24	3,52	80	1		322.400	7.737.600	21510002135499
	Tổng cộng										**275.404.000**	

Số tiền (bằng chữ): ……

Hà Nội, ngày tháng năm

Duyệt của BGH **Phòng Tài vụ** **Phòng Công tác sinh viên** **Ban chủ nhiệm Khoa**